

old mandarin trees reaches 60 kg/tree in average, with the price of 20,000 VND/kg, which enables the earnings of 1.2 million VND/year that is much higher than that of rice production. Specifically, due to its harvest falling on the new year holiday, the fruit price is high and it improves economic efficiency for farmers. However, cultivation of Nam Son Mandarin are mainly based on experience of local farmers, application of advanced cultural techniques is relatively poor, without any varietal selection and improvement, resulting in sharp drop in cultivation area, yield and production. Selection of individual mother plants (ortets) is a solution to maintain, conserve and develop the indigenous mandarin variety. The study selected 5 individual mother plants that were satisfied requirements of ortets, namely QNS01; QNS02; QNS03; QNS05; QNS08. These individuals have been recognized as individual ortets for propagation in accordance with Decision number 04/QĐ-SNN dated 25 January 2016 by the Department of Agriculture and Rural Development of Hoa Binh province.

**Keywords:** Nam Son mandarin, genetic resource, mother plants (ortet), conserve, varietal improvement

Ngày nhận bài: 15/11/2017  
Ngày phản biện: 19/11/2017

Người phản biện: TS. Đào Quang Nghị  
Ngày duyệt đăng: 11/12/2017

## KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC GIỐNG CẢI BẮP TRIỂN VỌNG CỦA HÀN QUỐC CHO CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Nguyễn Xuân Diệp<sup>1</sup>, Ngô Thị Hạnh<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Trong chương trình hợp tác giữa Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam và Tổng cục Phát triển Nông thôn Hàn Quốc, bộ giống cải bắp của Hàn Quốc đã được Viện Nghiên cứu Rau quả khảo nghiệm đánh giá và so sánh với các giống cải bắp đang được trồng phổ biến tại các vùng rau chuyên canh của miền Bắc Việt Nam. Kết quả đã xác định được giống cải bắp CT-17 của Hàn Quốc là giống thích ứng với điều kiện sinh thái của miền Bắc Việt Nam, cho năng suất cao (36 - 38 tấn/ha), khối lượng bắp 1,6 - 1,7 kg, chất lượng tốt (hàm lượng chất khô 7% - 8%, lá sắn, giòn...) phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

**Từ khóa:** Tuyển chọn, khảo nghiệm, cải bắp Hàn Quốc, vụ Đông

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong sản xuất nông nghiệp cây rau là một trong số cây thực phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao trên cùng đơn vị diện tích. Ở miền Bắc, vụ Đông là vụ gieo trồng rau chính với chủng loại rất phong phú đặc biệt các cây rau có nguồn gốc ôn đới. Tuy nhiên phần lớn các giống ôn đới như su hào, cải bắp, súp lơ... là các giống rau lai được nhập từ nước ngoài. Việc phát triển các giống rau nhập nội không qua khảo nghiệm tính thích ứng sẽ gây rủi ro lớn cho người sản xuất. Trong chương trình hợp tác giữa Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS) và Tổng cục Phát triển nông thôn Hàn Quốc (RDA), Viện Nghiên cứu Rau quả đã đánh giá khảo nghiệm và giới thiệu các giống rau nhập nội của Hàn Quốc, trong đó có cây cải bắp nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của sản xuất hiện nay. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đang mở ra xu hướng sản xuất những sản phẩm có năng suất và chất lượng cao, cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

### II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Vật liệu của thí nghiệm khảo nghiệm đánh giá giống gồm 7 giống cải bắp của Hàn Quốc: AC1513, CT7, AC1517, KA cross, AC1516, AC1514, HNC203 và 1 giống cải bắp Grand KK (đối chứng) từ công ty hạt giống của Việt Nam.

Vật liệu tham gia khảo nghiệm diện rộng (mô hình) là giống cải bắp triển vọng của Hàn Quốc CT7 và giống đối chứng Grand KK.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thí nghiệm khảo nghiệm và lựa chọn giống được thiết kế theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại. Mỗi giống là một công thức, diện tích ô thí nghiệm là 14 m<sup>2</sup>.

- Xây dựng mô hình trình diễn: Diện tích khảo nghiệm diện rộng với quy mô 2.000 m<sup>2</sup>/giống/vụ. Các giống được bố trí tuần tự, không nhắc lại.

- Phương pháp phân tích chất lượng hóa sinh:

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Rau quả

Phân tích hàm lượng chất khô theo TCVN 5366-91. Phân tích hàm lượng đường tổng số theo TCVN 4594-88. Phân tích hàm lượng vitamin C theo TCVN 6427-2-1998.

- Đánh giá mức độ nhiễm đốm lá và đốm vòng trên đồng ruộng bằng cách cho điểm theo hướng dẫn của QCVN 01-120:2013/BNNPTNT: 0 - không có triệu chứng; 1 - nhẹ triệu chứng đầu tiên đến 19% diện tích lá bị nhiễm; 2 - trung bình 20 - 39% diện tích lá bị nhiễm; 3 - nặng 40 - 59% diện tích lá bị nhiễm; 4 - rất nặng 60 - 79% diện tích lá bị nhiễm; 5 - nghiêm trọng > 80% diện tích lá bị nhiễm.

- Bệnh thối nhũn vi khuẩn:

$$\text{Tỷ lệ bệnh} = \frac{\text{Số cây bị bệnh trên ô}}{\text{Tổng số cây trên ô}} \times 100 (\%)$$

- Các chỉ tiêu theo dõi: Đặc điểm nông sinh học, tình hình sâu bệnh hại, các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất và chất lượng quả.

- Quy trình chăm sóc theo tiêu chuẩn ngành 10TCN 442:2001.

- Số liệu được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học IRRISTAT 5.0 và chương trình Excel.

### 2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thí nghiệm khảo nghiệm và lựa chọn giống được bố trí tại Viện Nghiên cứu Rau quả, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội trong vụ Đông 2013 và vụ Đông 2014.

- Xây dựng mô hình trình diễn: Địa điểm thực hiện mô hình tại xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội ở 2 vụ Đông năm 2015 - 2016 và tại xã Sa Pa, huyện Sa Pa, Lào Cai ở 2 vụ Thu Đông 2015 - 2016.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Kết quả tuyển chọn

Tất cả các giống bắp cải đều có thời gian từ gieo đến mọc là 3 - 4 ngày và thời gian từ mọc đến trồng là 28 ngày. Thời gian từ mọc đến trải lá bàng của các giống cải bắp dao động từ 60 đến 64 ngày. Hai giống AC1513, AC1517, AC1514, CT17 có thời gian này thấp nhất (60 ngày). Các giống bắp cải trồng trong vụ đông 2012 có thời gian sinh trưởng từ trồng đến thu hoạch khác nhau nhiều (5 - 10 ngày). Giống có thời gian này ngắn nhất là giống AC1517, AC1514, CT17 (105 ngày).

**Bảng 1.** Thời gian sinh trưởng qua các giai đoạn của các giống cải bắp trồng vụ Đông 2013 và vụ Đông 2014

Tên giống	Thời gian từ gieo đến mọc (ngày)		Thời gian từ mọc đến trồng (ngày)		Thời gian từ mọc đến... (ngày)			
					Trải lá bàng		Bắt đầu thu	
	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014
AC1513	3	4	28	28	62	60	115	110
CT17	3	3	28	28	62	60	110	105
AC1517	3	4	28	28	64	62	110	105
KA CRROSS	4	4	28	28	64	64	115	115
AC1516	3	4	28	28	62	60	110	110
AC1514	4	3	28	28	62	60	110	105
HNC203	3	4	28	28	62	62	115	110
Grand KK (Đ/c)	4	4	28	28	64	64	115	110

Đường kính bắp của các giống cải bắp tham gia thí nghiệm trong vụ Đông của hai năm 2014 và 2015 có khoảng dao động lớn (14,69 cm - 21,38 cm). Giống Grand KK có đường kính bắp thấp nhất (14,68 cm) và giống AC1513 có đường kính tán cao nhất (21,38 cm) và cao hơn giống đối chứng 4,4 cm. Các giống bắp cải tham gia thí nghiệm có 3 dạng bắp: bắp tròn, elip ngang và elip hẹp (Bảng 2).

Chiều cao bắp của các giống là đặc điểm của giống. Trong các giống cải bắp theo dõi thì chiều cao bắp của giống AC1517 là cao nhất (15,86 cm) và giống HNC203 có chiều cao bắp thấp nhất (12 cm).

Các giống cải bắp của Hàn Quốc còn lại đều có chiều cao bắp cao hơn giống đối chứng.

Chỉ tiêu đường kính bắp cũng là đặc điểm của giống. Tuy nhiên, nó còn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và điều kiện chăm sóc. Kết quả nghiên cứu về chỉ tiêu đường kính bắp của các giống cải bắp cho thấy tất cả các giống cải bắp của Hàn Quốc đều có đường kính bắp cao hơn giống đối chứng. Cụ thể giống cải bắp đối chứng Grand KK có đường kính bắp là 14,69 cm, trong khi giống cải bắp có đường kính bắp lớn nhất là giống AC1513 (21,38 cm).

**Bảng 2.** Một số chỉ tiêu đặc điểm bấp của các giống cải bấp vụ Đông 2013 và vụ Đông 2014

Tên giống	Chiều cao bấp (cm)		Đường kính bấp (cm)		Chỉ số (H/D)		Độ chắc bấp (g/cm <sup>3</sup> )	
	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014
AC1513	13,86	14,52	20,71	21,38	0,67	0,68	0,54	0,52
CT17	13,30	14,30	18,58	18,91	0,72	0,75	0,67	0,65
AC1517	15,86	15,53	16,37	17,04	0,97	0,91	0,68	0,70
KA CRROSS	13,13	13,79	18,68	18,02	0,70	0,76	0,60	0,67
AC1516	12,91	13,58	19,17	18,17	0,67	0,75	0,54	0,64
AC1514	12,99	13,32	18,47	18,13	0,70	0,73	0,56	0,63
HNC203	12,00	12,67	17,48	17,82	0,69	0,71	0,73	0,74
Grand KK (Đ/c)	13,42	13,75	14,36	14,69	0,93	0,93	0,81	0,83
<i>LSD</i> <sub>0,05</sub>	0,32	0,83	0,38	2,03			0,25	0,12
CV (%)	12,4	13,4	14,2	6,4			6,3	7,7

Theo dõi tình hình nhiễm sâu bệnh hại của các giống cải bấp trồng vụ Đông 2013 và 2014 cho thấy, tỷ lệ cây bị nhiễm bệnh thối nhũn của các giống cải bấp tương đối thấp và có giống KK Cross đã không bị nhiễm bệnh này. Tuy các giống cải bấp đều bị nhiễm nhưng không làm ảnh hưởng đến chất lượng của các giống cải bấp vì bệnh này đã xuất hiện vào giai đoạn cho thu hoạch. Hầu hết các giống cải bấp đều bị bệnh nhiễm bệnh đốm nhưng ở mức độ thấp,

và bệnh xuất hiện vào gần cuối thời kỳ sinh trưởng của cây trồng. Giống cải bấp AC1516 đã bị nhiễm ở mức độ cao hơn là cấp 5, còn tất cả các giống đều bị nhiễm ở cấp 1-3. Theo dõi mức độ nhiễm sâu bệnh hại của các giống cải bấp trồng trong vụ Đông 2013 và năm 2014 cho thấy các loại sâu bệnh này đã không làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của các giống cải bấp.

**Bảng 3.** Tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng của các giống cải bấp trồng vụ Đông 2013 và vụ Đông 2014

Tên giống	Bệnh thối nhũn vi khuẩn (%)		Bệnh đốm lá (cấp)		Bệnh đốm vòng (cấp)		Sâu tơ (cấp)	
	Đông 2014	Đông 2015	Đông 2014	Đông 2015	Đông 2014	Đông 2015	Đông 2014	Đông 2015
AC1513	5,3	3,3	3,7	2,4	2,6	3,6	1,3	1,1
CT17	0,0	0,0	2,4	1,3	1,5	2,4	1,1	1,3
AC1517	3,3	5,3	1,5	1,2	3,7	1,8	1,0	1,5
KA Cross	0,0	1,0	1,4	2,4	2,4	3,3	1,5	1,6
AC1516	1,3	0,0	3,6	3,5	1,5	1,6	1,3	1,3
AC1514	5,3	3,3	2,5	1,6	3,5	3,7	1,1	1,7
HNC203	0,0	1,3	1,7	2,1	1,8	1,8	1,0	1,4
Grand KK (Đ/c)	3,3	3,3	3,2	1,4	2,7	3,5	1,5	1,5

Khối lượng cây của giống AC1513 và giống CT17 là lớn nhất trong các giống thí nghiệm (2,17 - 2,47 kg/cây), trong khi giống đối chứng có khối lượng cây nhỏ nhất (1,46 kg/cây) (Bảng 4).

Khối lượng bấp là yếu tố quan trọng quyết định năng suất thương phẩm của các giống cải bấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy khối lượng bấp của các

giống cải bấp Hàn Quốc đều cao hơn giống đối chứng, do vậy năng suất của các giống cải bấp Hàn Quốc đều cao hơn giống đối chứng cả trong hai năm 2014 và 2015.

Năng suất của giống AC1513, CT-17 có năng suất thấp nhất (36,26 - 38,52 tấn/ha), cao hơn năng suất của giống đối chứng là 24,9 tấn/ha.

**Bảng 4.** Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các giống cải bắp vụ Đông 2013 và vụ Đông 2014

Tên giống	Khối lượng cây (kg)		Khối lượng bắp (kg)		Năng suất lý thuyết (tấn/ha)		Năng suất thực thu (tấn/ha)	
	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014	Đông 2013	Đông 2014
AC1513	2,47	2,37	1,68	1,78	50,3	53,3	37,86	38,52
CT17	2,17	2,20	1,61	1,68	48,4	50,4	35,6	36,26
AC1517	1,91	1,96	1,52	1,62	45,5	48,5	31,41	32,41
KA Cross	2,10	2,27	1,43	1,53	42,9	45,9	30,54	31,21
AC1516	1,90	2,00	1,34	1,48	40,3	44,3	29,71	30,37
AC1514	2,11	2,21	1,31	1,41	39,2	42,2	30,19	30,85
HNC203	2,01	2,14	1,41	1,51	42,2	45,2	29,46	30,12
Grand KK (Đ/c)	1,46	1,56	1,17	1,24	35,2	37,2	24,56	24,9
LSD <sub>0,05</sub>	0,29	0,34	0,18	0,18	5,33	5,41	1,34	1,39
CV (%)	8,3	9,3	7,1	6,7	7,1	6,7	12,4	12,5

- Hàm lượng chất khô đạt cao nhất là giống AC1516 (8,7%) và thấp nhất là giống HNC203 (7,53%).

- Hàm lượng vitamin C và đường tổng số của giống HNC203 đạt cao nhất trong các giống tham gia thí nghiệm là 5,52 mg/kg. Cũng tương tự như vậy, giống AC1517 có hàm lượng vitamin C và hàm lượng đường tổng số thấp nhất là 3,45 mg/kg. Kết quả được trình bày tại Bảng 5.

**Bảng 5.** Một số chỉ tiêu sinh hóa của các giống cải bắp trồng vụ Đông 2013

Tên giống	Chất khô (%)	Vitamin C (mg/100 g)	Đường tổng số (%)
AC1513	7,68	3,79	3,90
CT17	7,71	4,31	4,14
AC1517	7,62	3,45	3,50
KA Cross	7,98	5,17	4,26
AC1516	8,71	4,31	4,22
AC1514	8,30	3,98	4,14
HNC203	7,53	5,52	3,83
Grand KK (Đ/c)	7,63	3,56	3,64

Khả năng sinh trưởng của các giống cải bắp của Hàn Quốc đều tương đương hoặc cao hơn so với giống đối chứng, chứng tỏ các giống này thích ứng trong điều kiện tại Gia Lâm, Hà Nội. Năng suất

của các giống cải bắp Hàn Quốc đều cho năng suất cao hơn giống đối chứng. Trong đó, giống CT17 và AC1513 cho năng suất cao hơn hẳn ở mức có ý nghĩa. Tuy nhiên, giống AC1513 nhiễm bệnh thối nhũn và bệnh đốm vòng nặng hơn.

### 3.2. Kết quả khảo nghiệm sản xuất giống cải bắp

Từ các kết quả khảo nghiệm của những năm trước, trong vụ Đông 2015 và 2016 giống triển vọng CT17 đã được đưa khảo nghiệm sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau tại xã Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội và xã Sa Pa huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai (Bảng 6).

Năng suất giống cải bắp CT-17 ổn định tại các vùng sinh thái khác nhau. Năng suất vụ Đông đạt 37,23 - 38,21 tấn/ha, trong khi giống đối chứng đạt từ 26,76 - 29,31 tấn/ha. Kết quả này tương tự như các kết quả khảo nghiệm trước đây. Với giá bán trung bình 4.000 - 5.000 đồng/kg, thu nhập từ bắp cải CT17 đạt 63 - 108 triệu đồng/ha (Bảng 7).

Qua khảo nghiệm sản xuất tại vùng Đồng Bằng sông Hồng và vùng Tây Bắc trong vụ Đông của hai năm 2015 và 2016 cho thấy giống CT-17 mang nhiều đặc điểm tốt và cho hiệu quả kinh tế cao. Với mức đầu tư và giá bán tương tự như nhau nhưng giống CT-17 đã cho lãi thuần cao hơn hẳn giống đối chứng Grand KK bởi năng suất của giống CT-17 đạt 37 - 38 tấn/ha, trong khi giống Grand KK chỉ đạt 27 - 29 tấn/ha.

**Bảng 6.** Thời gian sinh trưởng và năng suất các giống bắp cải tại các vùng sinh thái trong năm 2015 và năm 2016

Năm	Địa điểm	Giống	Thời gian sinh trưởng	Khối lượng bắp (kg)	Năng suất thực thu (tấn/ha)
2015	Gia Lâm - Hà Nội	CT17	105	1,68	37,23
		Grand KK	110	1,32	26,76
	Sa Pa - Lào Cai	CT17	115	1,76	37,86
		Grand KK	125	1,43	28,43
2016	Gia Lâm - Hà Nội	CT17	102	1,72	38,12
		Grand KK	108	1,34	27,82
	Sa Pa - Lào Cai	CT17	115	1,82	38,21
		Grand KK	120	1,41	29,31

**Bảng 7.** Hiệu quả kinh tế của mô hình cải bắp trong năm 2015 và năm 2016

Năm	Địa điểm	Giống	Năng suất (tấn/ha)	Giá bán (đ)	Thu nhập (đ)	Chi phí đầu tư (đ)	Lãi thuần (đ)
2015	Gia Lâm - Hà Nội	CT17	37,23	5.000	186.150.000	88.960.000	97.190.000
		Grand KK	26,76	5.000	133.800.000	88.960.000	44.840.000
	Sa Pa - Lào Cai	CT17	37,86	5.000	189.300.000	80.620.000	108.680.000
		Grand KK	28,43	5.000	142.150.000	80.620.000	61.530.000
2016	Gia Lâm - Hà Nội	CT17	38,12	4.000	152.480.000	88.960.000	63.520.000
		Grand KK	27,82	4.000	111.280.000	88.960.000	22.320.000
	Sa Pa - Lào Cai	CT17	38,21	4.000	152.840.000	80.620.000	72.220.000
		Grand KK	29,31	4.000	17.240.000	80.620.000	36.620.000

#### IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

- Các giống cải bắp Hàn Quốc có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái một số vùng khảo nghiệm và sản xuất thử của Việt Nam. Thể hiện ở các đặc tính nông học và năng suất cao, chất lượng tốt.

- Giống CT-17 là giống cải bắp triển vọng năng suất cao hơn các giống Việt Nam như Grand KK, NSX. Thời gian sinh trưởng ngắn 105 - 110 ngày. Kích thước bắp 15 - 19 cm × 18 - 19 cm, khối lượng bắp 1,6 - 1,7 kg/củ. Năng suất đạt 36 - 38 tấn/ha. Ít bị sâu bệnh hại trong điều kiện đồng ruộng. Chất lượng bắp: ngọt, mềm, ít xơ, đặc, hàm lượng chất khô 7,8%, vitamin C 4,431 mg% đường tổng số 4,14%.

Qua khảo nghiệm nhiều vụ và được sản xuất thử ở một số địa phương cho thấy giống CT-17 là giống lai F1 của công ty ASIA Seed thích ứng với nhiều vùng sinh thái, mở ra khả năng sản xuất trên quy mô hàng hoá, phục vụ cho nhu cầu trong nước và nhu cầu xuất khẩu sang Hàn Quốc.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và PTNT**, 2001. Tiêu chuẩn ngành 10TCN 442:2001. Quy trình kỹ thuật sản xuất cải bắp an toàn.
- Quy chuẩn Việt Nam**, 2013. QCVN 01-120:2013/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống cải bắp.
- Tiêu chuẩn Việt Nam**, 1991. TCVN 5366-91. Sản phẩm rau quả.
- Tiêu chuẩn Việt Nam**, 1998. TCVN 6427-2-1998. Rau quả và các sản phẩm rau quả.
- Tiêu chuẩn Việt Nam**, 1988. TCVN 4594:1988. Đồ hộp - Phương pháp xác định đường tổng số, đường khử và tinh bột.
- Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam**, 2011. *Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam hợp tác với Hàn Quốc thực hiện dự án sản xuất Rau xuất khẩu tại Việt Nam*, truy cập ngày 21 tháng 09 năm 2011. Địa chỉ: <http://www.vaas.org.vn/vien-khoa-hoc-nong-nghiep-viet-nam-hop-tac-voi-han-quooc-thuc-hien-du-an-san-xuat-rau-xuat-khau-tai-viet-nam-a6544.html>.

## Selection and development of Korean promising cabbage varieties in Northern Vietnam

Nguyen Xuan Diep, Ngo Thi Hanh

### Abstract

Under the collaborative research program between the Vietnam Academy of Agricultural Sciences (VAAS) and the Korean Rural Development Administration (RDA), the Korean cabbage varieties were evaluated in comparison with popular cabbage varieties grown in the specializing vegetable production area in Northern Vietnam. The trial results showed that Korean cabbage variety CT17 was adapted to ecological condition in Northern Vietnam. CT17 had high yield of 36 - 38 ton/ha, head weight of 1.6 - 1.7 kg with good quality (dry content at 7 - 8 %, thick leaves and crispy) and suitable for consumer.

**Keywords:** Korean cabbage variety, testing, selection, Winter crop season

Ngày nhận bài: 14/11/2017

Ngày phản biện: 21/11/2017

Người phản biện: GS.TS. Trần Khắc Thi

Ngày duyệt đăng: 11/12/2017

## KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG LÚA BoT1 NGẮN NGÀY, CHẤT LƯỢNG THÍCH HỢP CHO VÙNG SINH THÁI BẮC TRUNG BỘ

Lê Văn Vinh<sup>1</sup>, Trần Thị Thắm<sup>1</sup>, Võ Văn Trung<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

BoT1 là giống lúa nhập nội có thời gian sinh trưởng trong vụ Xuân là 116 - 123 ngày, vụ Mùa là 95 - 99 ngày ở các tỉnh Bắc Trung bộ và Bắc bộ. Giống lúa BoT1 có thân cứng, chiều cao cây 95 - 105 cm, sinh trưởng phát triển tốt, khả năng đẻ nhánh khá, khả năng thâm canh cao, hạt thon dài, xếp hạt sít, vỏ trấu màu nâu. BoT1 có tiềm năng năng suất cao, trung bình vụ Xuân đạt khoảng 65 - 74 tạ/ha, vụ Mùa đạt 57 - 71 tạ/ha; Chất lượng cơm gạo khá, ít bạc bụng, cơm mềm, ngon và có mùi thơm. Giống có khả năng chịu rét trung bình, chống đổ khá, thích ứng rộng, nhiễm nhẹ với một số loại sâu bệnh hại chính, phù hợp vụ Xuân muộn, Hè Thu và vụ Mùa ở các tỉnh Bắc Trung Bộ và một số tỉnh phía Bắc.

**Từ khóa:** Giống lúa BoT1, năng suất cao, chất lượng, thời gian sinh trưởng ngắn

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp và sản xuất lúa nói riêng. Để đảm bảo sản xuất tránh được ảnh hưởng của thiên tai (như bão lũ trong vụ Hè Thu ở Bắc Trung bộ, rét hại đầu vụ trong vụ Xuân ở Bắc bộ), nâng cao thu nhập cho người sản xuất, việc nghiên cứu chọn tạo ra những giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, chất lượng tốt là một yêu cầu cần thiết. Nghệ An là tỉnh nằm trong khu vực Bắc miền Trung nơi có điều kiện khí hậu thời tiết khá phức tạp rất khó khăn cho sản xuất lương thực, đặc biệt là sản xuất lúa. Vì vậy, việc tìm ra các giống vừa có năng suất, chất lượng, vừa có thời gian sinh trưởng phù hợp để bố trí thời vụ thích hợp là điều rất cần thiết (Phạm Văn Chương và *ctv.*, 2012). Xuất phát từ mục tiêu trên, trong những năm qua, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ (Viện KHKTNN Bắc Trung bộ) đã

tiến hành nghiên cứu tuyển chọn được nhiều giống lúa có năng suất, chất lượng tốt và thời gian sinh trưởng ngắn, trong đó có giống BoT1, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của các địa phương trong vùng.

### II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống nghiên cứu: BoT1 nhập nội từ Pakistan, do Viện KHKTNN Bắc Trung bộ tuyển chọn.

- Giống đối chứng: Bắc thơm 7 (BT7), Hương thơm số 1 (HT1) và Khang dân 18 (KD18).

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đánh giá tập đoàn dòng/giống lúa, so sánh giống (2007 - 2011) dựa theo QCVN 01-55:2011/ BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa, do Viện KHKTNN Bắc Trung bộ tiến hành.

<sup>1</sup> Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ